

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 149/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao Kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2012

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 2406/QĐ-TTg ngày 18/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012-2015; Quyết định số 512/QĐ-TTg ngày 29/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2012; Quyết định số 540/QĐ-BKHĐT ngày 3/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2012;

Căn cứ Công văn số 174/HĐND-KTNS, ngày 24/5/2012 của Thường trực HĐND tỉnh về việc phân bổ dự toán các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2012;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 389/SKHĐT-VX ngày 23/5/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Kế hoạch vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2012 cho các sở, cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia theo biểu chi tiết đính kèm.

Điều 2. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và vốn của từng Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2012, Chủ tịch UBND tỉnh phân bổ chi tiết cho các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; các sở, cơ quan làm chủ các Chương trình tổ chức thực hiện và giao chi tiết cho các chủ đầu tư; đồng thời tổ chức hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các đơn vị thực hiện; hàng tháng báo cáo kết quả về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Y tế, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, Ban Dân tộc; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Hải

KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2012

(Kèm theo Quyết định 149/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2012 của UBND tỉnh Bắc Giang)

STT	DANH MỤC	Kế hoạch năm 2012 (Triệu đồng)		Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn sử nghịp	Chủ chương trình	
		Tổng số	Trong đó					
	Tổng kinh phí	259,052	101,500	157,552				
I	Chương trình MTQG việc làm	45,030	11,000	34,030				
1	Dự án đổi mới phát triển dây nghề	19,000	9,000	10,000			Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
2	Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn	20,030		20,030				
3	Dự án hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	2,900		2,900				
4	Dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động	2,510	2,000	510				
5	Dự án nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá chương trình	590		590				
II	Chương trình MTQG giảm nghèo	45,302	43,200	2,102				Sở Lao động Thương binh và Xã hội
1	Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn đặc biệt khó khăn	43,200	43,200					
2	Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo	500		500				
3	Dự án nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình	1,602		1,602			Ban Dân tộc	

		1,450	15,100	16,550	Chương trình MTQG Nước sạch và VSMT nông thôn	III
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	100	14,900	15,000	Dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn, môi trường nông thôn	1
	Sở Y tế		200	200	Dự án vệ sinh nông thôn	2
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1,350		1,350	Dự án nâng cao năng lực truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình	3
	Chương trình MTQG Y tế	11,470		11,470		IV
	Sở Y tế	6,111		6,111	Dự án phòng, chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng (bệnh phong, bệnh lao, bệnh sốt rét, bệnh sốt xuất huyết, bệnh ung thư, bệnh tăng huyết áp, bệnh đại tiểu đường, bảo vệ sức khoẻ tâm thần công đồng, bệnh phổi tắc nghẽn và mãn tính)	1
		941		941	Dự án tiêm chủng mở rộng	2
		2,941		2,941	Dự án chăm sóc sức khoẻ sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em:	3
		70		70	Dự án quản dân y kết hợp	4
		1,407		1,407	Dự án nâng cao năng lực truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình	5
	Chương trình MTQG Dân số kế hoạch hoá gia đình	11,445		11,445		V
		2,832		2,832	Dự án bảo đảm hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình	1
		1,780		1,780	Dự án tầm soát các di dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mắt cận bằng giới tính khi sinh	2
		6,833		6,833	Dự án nâng cao năng lực truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình	3
	Chương trình MTQG Vệ sinh an toàn thực phẩm	4,077		4,077		VI
	Sở Y tế	2,577		2,577		

1	Dự án nâng cao năng lực quản lý chất lượng VSATTP	790		790	
2	Dự án thông tin giáo dục truyền thông, bảo đảm chất lượng vệ sinh ATTP	450		450	
3	Dự án tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng VSATTP	350	1,500	1,850	
4	Dự án phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm	380		380	
5	Dự án bảo đảm vệ sinh ATTP trong sản xuất nông, lâm, thủy sản	607		607	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
VII					
Chương trình MTQG phòng chống HIV/AIDS					
1	Dự án thông tin giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi phòng HIV/AIDS	1,018		1,018	
2	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV	800		800	
3	Dự án hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	672		672	
4	Dự án tăng cường năng lực cho các trung tâm phòng, chống HIV/AIDS	4,000	4,000	4,000	
VIII					
Chương trình MTQG Văn hóa					
1	Dự án chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích	7,300	6,000	7,300	
2	Dự án sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá phi vật thể của các dân tộc Việt nam (quảng bá di sản Dân ca quan họ)	350		350	
3	Dự án tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo	2,082		2,082	
4	Dự án tăng cường năng lực cán bộ văn hoá cơ sở, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình	50		50	
IX					
Chương trình MTQG Giáo dục và Đào tạo					
		66,540		66,540	Sở Giáo dục và

Đào tạo	1	Dự án hỗ trợ phổ cập Mãn non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục THCS đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học	18,400	18,400	18,400
	2	Dự án tăng cường dạy và học ngoài ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân	10,470	10,470	10,470
	3	Dự án hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn; hỗ trợ cơ sở vật chất trường chuyên, trường su phạm	37,440	37,440	37,440
	4	Dự án nâng cao năng lực cán bộ quản lý chương trình và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình	230	230	230
Công an tỉnh	X	Chương trình MTQG Phòng, chống ma túy	4,000	4,000	4,000
	1	Dự án xây dựng xã, phường, thị trấn không tệ nạn ma túy	2,300	2,300	2,300
	2	Dự án nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và nghiên cứu, triển khai ứng dụng, đánh giá các loại thuốc, phương pháp y học trong điều trị phục hồi chức năng cho người nghiện ma túy	300	300	300
	3	Dự án thông tin tuyên truyền, phòng, chống ma túy và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình	1,400	1,400	1,400
Công an tỉnh	XI	Chương trình MTQG Phòng, chống tội phạm	1,000	1,000	1,000
	1	Dự án tăng cường công tác giáo dục truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình	1,000	1,000	1,000
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	XII	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	36,796	20,700	16,096
	XIII	Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo	570		570
Sở Thông tin và Truyền thông	1	Dự án tăng cường năng lực cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo	350		350
	2	Dự án tăng cường nội dung thông tin và truyền thông về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo	220		220